

Số: 1433/2023/QĐST-VHNGĐ

thành phố T, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 772/2023/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Võ Thị M, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 55, đường 19, tổ 2, khu phố PH, phường TT, thành phố T, Thành phố H.

Ông Lê Minh T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 55, đường 19, tổ 2, khu phố PH, phường TT, thành phố T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị M và ông Lê Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2003 ngày 21/5/2003. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị M và ông Lê Minh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng và quan tâm chăm sóc nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hiện tại ông bà không còn chung sống với nhau. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau nên việc ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà là có cơ sở.

[2] Về con chung: Bà Võ Thị M và ông Lê Minh T có 02 người con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 22/7/2003 (đã thành niên) và Lê Nhật T, sinh ngày 08/5/2006. Bà M và ông T thỏa thuận, con chung tên Lê Nhật T, sinh ngày 08/5/2006 do bà Võ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà M và ông T tự khai không có.

Về nợ chung: Bà M và ông T tự khai không có.

[4] Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0002638 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, Thành phố H.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, Tòa án lập Biên bản về việc hòa giải đoàn tụ không thành;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị M và ông Lê Minh T thuận tình ly hôn;

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2003 ngày 21/5/2003 do Ủy ban nhân dân phường TT, Quận 9 (nay là thành phố T), Thành phố H cấp cho Võ Thị M và ông Lê Minh T không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 22/7/2003 (đã thành niên) và Lê Nhật T, sinh ngày 08/5/2006. Bà Võ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật T, sinh ngày 08/5/2006, ông Lê Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí Bà M, ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0002638 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tăng Thị Nguyệt